TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PA** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-8- 2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Mỹ Lệ
2. Bà Phùng Thị Tố Trinh

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Giang– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Dịu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc*" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXX- ST ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* - Chị Trần Thị Hiền L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Mới, xã Chư Rcăm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt, đã có đơn xin được xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* - Anh Trần Hoài Tr, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Mới, xã Chư Rcăm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai(vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Hiền L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua quá trình tìm hiểu, chị và anh T lấy nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Ia

Rsươm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/01/2015. Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một khoảng thời gian nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không cảm thông cho nhau, cuộc sống vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, nếu cứ tiếp tục chung sống với nhau sẽ không mang lại hạnh phúc gì mà còn làm khổ cho nhau. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn trước pháp luật.

Về con: Trong quá trình chung sống với nhau chị và anh T có 02 con chung là cháu Trần Hoài Minh Tr, sinh ngày 03/8/2016 và Trần Hoài Minh Nh, sinh ngày 06/02/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom và giáo dục các con. Chị không yêu cầu anh Trung phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Hoài T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Pháp luật.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án;

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 1, Điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 9, 51, 53, 54, 57,58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử:

- *Về hôn nhân:* chị Trần Thị Hiền L được ly hôn với anh Trần Hoài T trước pháp luật.

- *Về con và cấp dưỡng nuôi con:* Giao 02 con chung là Trần Hoài Minh Tr, sinh ngày 03/8/2016 và Trần Hoài Minh Nh, sinh ngày 06/02/2019 cho chị Trần Thị Hiền L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Trần Hoài T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị L không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về án phí* : Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết : 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Hiền L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trần Hoài Trung như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập…theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Trần Hoài T không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; ở giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Trần Hoài T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Còn nguyên đơn chị Trần Thị Hiền L đã nhận được quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn xin được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như trong đơn xin được xét xử vắng của nguyên đơn để quyết định. Các đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị Hiền L và anh Trần Hoài T đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Ia Rsươm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/01/2015, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một khoảng thời gian nhưng đến năm 2017 thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh Trung không lo làm ăn để xây dựng gia đình, thường xuyên uống rượu và đánh đập chị Lương, nhiều lần chị L bỏ qua nhưng anh T không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, nếu cứ tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc gì mà còn làm khổ cho nhau. Từ những nguyên nhân trên, chị L nhận thấy mẫu thuẫn vợ chồng phát sinh quá lớn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể giải quyết được dẫn đến việc thường xuyên bất đồng quan điểm và gây xáo trộn trong gia đình. Vì vậy chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Trần Hoài T.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng gia đình nữa nên yêu cầu ly hôn của chị Lương là chính đáng và có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi ở, điều kiện sống và tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị Hiền L và anh Trần Hoài T thì được biết hiện nay tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã rất nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, chị L đã tha thứ và bỏ qua cho anh T nhưng anh Trung vẫn không thay đổi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho chị Trần Thị Hiền L được ly

hôn với anh Trần Hoài T trước pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] *Về con:* Chị Trần Thị Hiền L và anh Trần Hoài T có 02 con chung là Trần Hoài Minh Tr, sinh ngày 03/8/2016 và Trần Hoài Minh Nh, sinh ngày 06/02/2019. Khi ly hôn với anh T thì chị L có nguyện vọng yêu cầu được trực tiếp nuôi các con là Trần Hoài Minh Tr và Trần Hoài Minh Nh. Xét thấy nguyện vọng và yêu cầu của chị L mong muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con chưa thành niên là phù hợp các Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho chị L biết về quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Lương vẫn giữ nguyên quan điểm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Hiền L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

******Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1; Điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

-Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 57,58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị Hiền L được ly hôn với anh Trần Hoài T trước pháp luật.

- *Về con:* Giao con chung Trần Hoài Minh Tr, sinh ngày 03/8/2016 và Trần Hoài Minh Nh, sinh ngày 06/02/2019 cho chị Trần Thị Hiền L được trực tiếp trôm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn anh Trần Hoài T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Trần Thị Hiền L cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Trần Hoài T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự,người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Hiền L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006228 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị Hiền L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Trần Thị Hiền L và anh Trần Hoài T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Gia Lai(01 bản);
-VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
-Chi cục THADS huyện (01 bản);
-UBND xã Ia Rsươm (01 bản);
-Các đương sự (02 bản);
-Lưu hồ sơ/VP (02 bản).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep